|  |  |
| --- | --- |
| SỞ Y TẾ CÀ MAU**BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐẦM DƠI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 04/BG-BVV/v Mời gửi báo giá “Gói 04. Hóa chất, dụng cụ kèm theo dùng cho Xét nghiệm khí máu, miễn dịch, đông máu” | *Đầm Dơi, ngày 18 tháng 3 năm 2024* |

**YÊU CẦU BÁO GIÁ**

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Đầm Dơi có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Gói 04. Hóa chất, dụng cụ kèm theo dùng cho Xét nghiệm khí máu, miễn dịch, đông máu” với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Đầm Dơi.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Người nhận:BSCKII. Trần Việt Quân, Trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp – Vật tư thiết bị y tế. SĐT: 0918648025. Email:bsquandd@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Kế hoạch tổng hợp – Vật tư thiết bị y tế, Bệnh viện đa khoa Đầm Dơi. Địa chỉ: số 80, đường Trương Phùng Xuân, khóm 5, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h30 ngày 18 tháng 3 năm 2024 đến trước 16h30 ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 29 tháng 3 năm 2024.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục hàng hoá:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục** | **Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật** | **Số lượng/khối lượng** | **Đơn vị tính** |
| 01 | Prothrombin Time Kit (PT)  | - Tính năng: Dùng cho máy phân tích đông máu để xác định thời gian prothrombin trong huyết tương người- Nguyên lý: Dùng một lượng dư thuốc thử PT và các ion canxi được thêm vào huyết tương xét nghiệm để biến đổi Thromboplastin thành Thrombin, và sau đó Thrombin chuyển Fibrinogen thành cục máu đông. Thời gian hình thành cục máu đông có tương tỉ lệ nghịch với hàm lượng các yếu tố đông máu ngoại sinh trong huyết tương- Khoảng tham chiếu: 11s - 14s; PT radio: 0.85 - 1.15; INR: 0.8 - 1.24- Thành phần: 2% bột não thỏ, 0.01% canxi clorua, 3% mannitol và 2% albumin huyết thanh bò; bộ đệm hoàn nguyên là bộ đệm tris 5%- Quy cách: PT: 6 x 2 mL + Reconstitution Buffer: 6 x 2 mL | 15 | Hộp |
| 02 | Activated Partial Thromboplastin Time Kit (APTT)  | - Tính năng: Dùng cho máy phân tích đông máu để xác định thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT) của huyết tương người- Nguyên lý: Huyết tương được ủ với một lượng cephalins và chất hoạt hóa bề mặt (Silica) để hoạt hóa các yếu tố đông máu nội sinh. Khi Ca2+ được thêm vào, cơ chế đông máu được kích hoạt, và thời gian huyết tương bắt đầu đông chính là thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT)- Khoảng tham chiếu: 27 - 45 giây- Thành phần: 0.45% cephalin, 2% silica, 0.02% CHAPS surfactant, và 3% mannitol; CaCl2 0.025 mol/L- Quy cách: APTT reagent: 6 x 2 mL + CaCl2: 6 x 2 mL | 8 | Hộp |
| 03 | Fibrinogen Reagent Kit (FIB)  | - Tính năng: Dùng cho máy phân tích đông máu để xác định hàm lượng Fibrinogen (FIB) trong huyết tương người- Nguyên lý: Thuốc thử thrombin được thêm một lượng dư vào huyết tương để biến Fibrinogen thành Fibrin và do đó quá trình đông máu xảy ra. Thời gian đông máu tỉ lệ nghịch với hàm lượng FIB. Hàm lượng FIB thu được của huyết tương xét nghiệm bằng cách tạo ra đường con chuẩn được gọi là phương pháp Clauss.- Thành phần: 0.09% thrombin, 0.01% canxi clorua, 3% mannitol và 2% albumin huyết thanh bò; bộ đệm imidazole 5%- Khoảng tham chiếu: 2.0 g/L - 4.0 g/L- Quy cách: FIB reagent: 6 x 2 mL + Imidazole Buffe: 1 x 25 mL | 4 | Hộp |
| 04 | Coagulation Control Level Ⅰ Kit | - Tính năng: Dùng cho máy phân tích đông máu để kiểm soát chất lượng ở cấp độ 1 đối với các xét nghiệm xác định thời gian Prothrombin (PT), thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT), hàm lượng fibrinogen (FIB) và thời gian thrombin (TT)- Thành phần: Huyết tương lợn chống đông máu natri citrat 109 mmol/L, albumin huyết thanh bò (BSA) 20 mg/mL và natri benzoat 20 mg/mL- Phạm vi giá trị mục tiêu: Level I: + PT: 11s - 14s + APTT: 22s - 35s + FIB: 2 - 4g/L + TT: 13s - 20s- Quy cách: 12 x 1 mL | 10 | Hộp |
| 05 | Coagulation Control Level Ⅱ Kit | - Tính năng: Dùng cho máy phân tích đông máu để kiểm soát chất lượng ở cấp độ 2 đối với các xét nghiệm xác định thời gian Prothrombin (PT), thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT), hàm lượng fibrinogen (FIB) và thời gian thrombin (TT)- Thành phần: Huyết tương lợn chống đông máu natri citrat 109 mmol/L, albumin huyết thanh bò (BSA) 20 mg/mL và natri benzoat 20 mg/mL- Phạm vi giá trị mục tiêu: Level II: + PT: > 28s + APTT: > 70s + FIB: 1 - 2 g/L- Quy cách: 12 x 1 mL | 10 | Hộp |
| 06 | SF-400 measuring cuvettes (Bead Inside) | - Tính năng: Dùng cho máy phân tích đông máu để xác định các thông số đông máu thông qua hệ thống đo cơ học- Quy cách: Hộp 50 x 4 cuvette | 10 | Hộp |
| 07 | FT3 ELISA | Độ chính xác: hệ số tương quan 0.9597. Độ nhạy : 0.05 ng/dl. | 4 | Hộp |
| 08 | FT4 ELISA | Độ chính xác: hệ số tương quan 0.9597. Độ nhạy : 0.05 ng/dl. | 4 | Hộp |
| 09 | TSH ELISA | Độ chính xác: 8.39 IU / Ml. Độ nhạy : 0,1 - 0,2 m IU / mL.. Độ chụm nội xét nghiệm: < 5.7 %. Độ chụm liên xét nghiệm: < 8.9 %. Độ thu hồi: 98.9 %. Độ tuyến tính 94.4%- 94.8% | 4 | Hộp |
| 10 | CA - 125 | Độ nhạy :0,253 U / mL. Độ thu hồi: 89,1-99,8 %. Độ tuyến tính : 88,7-113,3% | 1 | Bộ |
| 11 | CA - 19-9 | Độ nhạy :0,26 U / mL. Độ thu hồi: 85,5-99,5 %. Độ tuyến tính : 93,1-114,7% | 1 | Bộ |
| 12 | PSA | khay phủ kháng thể kháng PSA dê. Nồng độ phát hiện tối thiểu: 0,75ng/ml | 1 | Hộp |
| 13 | HBeAg | Độ nhạy chẩn đoán: >98%. Độ đặc hiệu chẩn đoán: >98%. Độ ổn định: tại 2-8 oC trong 15 tháng | 1 | Bộ |
| 14 | HBsAg | Độ nhạy chẩn đoán: >98%. Độ đặc hiệu chẩn đoán: >98%. Độ ổn định: tại 2-8 oC trong 15 tháng | 1 | Bộ |
| 15 | Anti HBsAg | Phát hiện định tính sự có mặt HBsAb trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương.Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,9%, ISO 13485:2016. Có chứng nhận chất lượng COA từ nhà sản xuất. | 1 | Bộ |
| 16 | Anti – HCV | độ nhạy chẩn đoán 100%. độ đặc hiệu là 100%. | 1 | Bộ |
| 17 | Toxocara canis | Là xét nghiệm hấp thu miễn dịch liên kết Enzyme dành cho phát hiện kháng thể IgG đối với Toxocara cnis trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Bộ xét nghiệm có thể dùng cho máy phân tích bán tự động và tự động hoàn toàn. Có độ nhạy 98%, độ đặc hiệu 97%. | 14 | Bộ |
| 18 | EasyBloodGas | Hoá chất xét nghiệm khí máu bao gồm: - Dung dịch Calibrant A 550 ml. Thành phần:7.3–7.50 pH, 6-8% CO2, 21-25% 02, Buffer, preservative, and wetting agen - Dung dịch Calibrant B 300 ml. Thành phần:6.8–7.00 pH, 11-14% CO2, 0% 02,Buffer, preservative, and wetting agent - Dung dịch hệ thống 700 ml. Thành phần:Buffer, preservative, and wetting agent- Bình đựng chất thải | 8 | Hộp |
| 19 | Daily Cleaning solution kit | Dung dịch làm sạch hàng ngày đường ống máy khí máu | 6 | Hộp |
| 20 | Easy QC Level 1/2/3 | Dung dịch kiểm chuẩn máy khí máu ba nồng độ | 6 | Hộp |
| 21 | Điện cực PO2 | Điện cực PO2 | 3 | Cái |
| 22 | Điện cực PCO2 | Điện cực PCO2 | 3 | Cái |
| 23 | Điện cực PH | Điện cực PH | 3 | Cái |
| 24 | Điện cực Reference | Điện cực Reference | 3 | Cái |
| **Tổng: 24 mặt hàng** |

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Nhận hàng tại kho của Khoa Dược, Bệnh viện đa khoa Đầm Dơi.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý II năm 2024.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt trong vòng 90 ngày kể từ ngày Bên mua nhận được hàng hóa và hóa đơn, chứng từ có liên quan.

5. Thành phần, quy cách hồ sơ báo giá:

- Báo giá: Theo mẫu tại phụ lục 1.

- Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu có liên quan của hàng hoá.

Trân trọng!

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: VT, KHTH. | **GIÁM ĐỐC** |

**PHỤ LỤC 1 – Mẫu báo giá**

**BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Đầm Dơi

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Đầm Dơi, chúng tôi…*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho danh mục hàng hoá như sau:

1. Báo giá hàng hoá và dịch vụ liên quan:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục** | **Ký, mã nhãn hiệu, model, hãng sản xuất** | **Mã HS** | **Năm sản xuất** | **Xuất xứ** | **Số lượng/khối lượng** | **Đơn giá (VND)** | **Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)** | **Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)** | **Thành tiền** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** |  |  |  |  |

1. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày tháng năm 2024.
2. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của phát luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin trong báo giá là trung thực.

…….., ngày…….tháng……..năm 2024

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**

 Ký tên, đóng dấu (nếu có)